

Số: 175/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 2, ngày 02 tháng 7 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 203/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Bà Phạm Tuyết M, sinh năm: 1997

Địa chỉ thường trú: Khu phố 4, huyện Đ, tỉnh B.

Địa chỉ tạm trú: 6/10 Đường số 35- CL, Khu phố 3, phường L, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông Bùi Xuân N, sinh năm: 1984

Địa chỉ thường trú: 820 Chung cư 21 tầng D2-I, V, Trung tâm C, Phường 10, Thành phố T.

Địa chỉ tạm trú: 6/10 Đường số 35- CL, Khu phố 3, phường L, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 159 ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 10, Thành phố V, tỉnh B thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Tuyết M và ông Bùi Xuân N là hợp pháp.

Căn cứ Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 6 năm 2020 có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

Hôn nhân giữa bà Phạm Tuyết M và ông Bùi Xuân N là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến hai bên không tìm được tiếng nói chung. Bà M và ông Nguyễn đã ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Bà Phạm Tuyết M và ông Bùi Xuân N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Phạm Tuyết M và ông Bùi Xuân N cùng khai không có

Về tài sản chung: Bà Phạm Tuyết M và ông Bùi Xuân N cùng khai không có.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Tuyết M và ông Bùi Xuân N thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 159 ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 10, Thành phố V, tỉnh B chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 02/7/2020).

Về con chung: Bà Phạm Tuyết M và ông Bùi Xuân N cùng khai không có

Về tài sản chung: Bà Phạm Tuyết M và ông Bùi Xuân N cùng khai không có.

Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng ông Bùi Xuân N tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0027612 do Chi cục thi hành án Quận 2 lập ngày 29/5/2020. Ông Nguyễn đã nộp đủ lệ phí việc dân sự. Bà M không phải chịu lệ phí việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 2;
- VKSND Quận 2;
- Ủy ban nhân dân Phường 10, Thành phố V, tỉnh B;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Thanh Nga